

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002214

Trang : 1/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B104**

Số SV có mặt: **21**

Số bài thi: **21**

Số tờ giấy thi: **21**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hồng Đức Bảo</i>	<i>Trần Thị Kiên Quyền</i>	<i>Mạnh NTMLan</i>	<i>Trần Thị Thanh Lê</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150013	NGUYỄN QUỐC BẢO	29/05/2004	CCQ2215A		1	<i>Bảo</i>	7,9	8,0	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
2	2122150028	LÊ TẤN BẰNG	29/09/2004	CCQ2215A		1	<i>Bằng</i>	6,6	5,5	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
3	2122150001	PHỤNG TẤN GIA	09/07/2004	CCQ2215A		1	<i>Phụng</i>	5,1	6,0	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122060017	VÕ HOÀNG DUY	01/10/2004	CCQ2215A			Cán' Thi'				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122150027	LỮ PHAN THÀNH	12/02/2004	CCQ2215A		1	<i>Thành</i>	8,4	5,5	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122150026	HOÀNG NGUYỄN NHẬT	09/08/2004	CCQ2215A		1	<i>Nhật</i>	6,3	6,5	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122150024	HUỖNH THANH	02/03/2004	CCQ2215A		1	<i>Thanh</i>	8,4	5,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122150023	NGUYỄN QUỐC HOÀI	08/01/2004	CCQ2215A		1	<i>Hoài</i>	7,8	6,5	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122150021	HOÀNG VĂN HUẤN	06/06/2004	CCQ2215A		1	<i>Huấn</i>	6,6	6,0	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122150018	ĐÌNH VĂN HUY	27/02/2004	CCQ2215A		1	<i>Huy</i>	6,9	6,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122030206	PHẠM TUẤN KHANH	31/12/2004	CCQ2215A		1	<i>Khánh</i>	5,8	7,5	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122150020	TRẦN MINH KHÔI	30/07/2001	CCQ2215A			Cán' Thi'				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122150015	NGUYỄN HUỖNH MINH LÝ	12/04/2004	CCQ2215A		1	<i>Lý</i>	7,8	7,5	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122150004	PHAN VĂN LÝ	26/06/2004	CCQ2215A			Cán' Thi'				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122150011	LÊ QUỐC MẠNH	16/01/2004	CCQ2215A		1	<i>Mạnh</i>	6,9	6,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122150022	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	01/03/2004	CCQ2215A		1	<i>Mạnh</i>	5,6	1,0	2,8	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122150003	LÊ VĂN PHỤNG	25/11/2003	CCQ2215B			Cán' Thi'				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122150017	TRẦN KHÁNH QUỐC	27/10/2004	CCQ2215B		1	<i>Quốc</i>	5,5	7,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122150005	TRẦN VĂN QUÝ	15/03/2004	CCQ2215B			Cán' Thi'				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122150029	CAO HUỖNH THÁI	20/07/2004	CCQ2215B		1	<i>Sơn</i>	6,1	7,0	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002214

Trang : 2/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B104**

Số SV có mặt: ...21...

Số bài thi:21.....

Số tờ giấy thi: ...21...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hồng Đức Bảo</i>	<i>Trần Thị Kiều Nguyên</i>	<i>Mạch NTMLan</i>	<i>Trần Thị Thanh</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150007	NGUYỄN MINH TÂM	27/10/2004	CCQ2215B		1	Tâm	6,4	6,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122150016	NGUYỄN XUÂN THỊNH	28/06/2004	CCQ2215B		1	Thinh	7,3	8,5	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122150006	NGUYỄN THÀNH TÍNH	20/04/2004	CCQ2215B		1	Thng	8,3	8,0	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122150019	NGUYỄN MINH TRÍ	01/11/2003	CCQ2215B			Cánb'Thi'				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122150009	PHẠM NGUYỄN HOÀI TRÍ	22/01/2004	CCQ2215B		1	Pe	7,1	6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2122150014	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	25/10/2004	CCQ2215B		1	Truyền	5,8	5,5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2122150012	NGUYỄN VĂN VÀNG	27/11/2004	CCQ2215B			Cánb'Thi'				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2122150010	TRẦN NHƯ TUẤN	19/10/2003	CCQ2215B		1	Vũ	5,1	5,5	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002215

Trang : 1/2

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B105**

Số SV có mặt: **21**

Số bài thi: **21**

Số tờ giấy thi: **21**

Cán bộ coi thi 1 <i>Vd</i> <i>Nguyễn Mạnh</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Hoàng Hà</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Mạnh</i> <i>NTM Lan</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>le</i> <i>Trần Thị Thanh Pi</i>
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150040	HUỖNH DUY BÌNH	08/10/2004	CCQ2215A		1	<i>Bình</i>	7,8	7,5	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122150002	TRƯƠNG THANH BÌNH	07/10/2003	CCQ2215A		1	<i>Bình</i>	5,9	5,0	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2119050037	ĐÀO TẤN CƯỜNG	08/05/2001	CCQ1905B		1	<i>Cường</i>	5,6	2,5	2,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122150033	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	10/10/2004	CCQ2215A			<i>Cần Thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122150034	NGUYỄN XUÂN GIÁP	16/12/2004	CCQ2215A		1	<i>Giáp</i>	6,9	5,5	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122150036	NGUYỄN KHẮC NAM HOÀNG	21/03/2004	CCQ2215A			<i>Cần Thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122150032	VI TUẤN HÙNG	21/03/2004	CCQ2215A		1	<i>Hùng</i>	8,4	8,0	8,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122150043	GIÁ TẤN HUYỀN	17/06/2004	CCQ2215A		1	<i>Huyền</i>	7,0	6,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2118050030	NGUYỄN BẢO LONG	05/10/2000	CCQ1805A		1	<i>Long</i>	7,4	8,5	8,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122150101	NGUYỄN MINH LÝ	28/12/2003	CCQ2215A		1	<i>Lý</i>	8,1	9,5	9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122150094	VŨ VĂN MINH	20/08/2004	CCQ2215A			<i>Cần Thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122170583	HUỖNH THÁI NHÃ	30/06/2004	CCQ2215B		1	<i>Thái</i>	5,5	6,5	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122150095	ĐOÀN GIA THIÊN PHÚC	20/08/2004	CCQ2215B			<i>Cần Thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122150037	ĐỖ THẾ QUÂN	01/01/2004	CCQ2215B		1	<i>Quân</i>	5,6	3,0	4,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122150088	LÊ TIẾN QUÂN	17/11/2004	CCQ2215B			<i>Cần Thi</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122150039	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	18/05/2004	CCQ2215B				3,8			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122150087	NGUYỄN HIỂU QUÂN	08/10/2003	CCQ2215B		1	<i>Quân</i>	4,1	1,0	2,2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122150038	NGUYỄN TRÍ TÀI	07/02/2004	CCQ2215B		1	<i>Tài</i>	6,8	5,5	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122150086	NGUYỄN VŨ HOÀI TẤN	11/06/2004	CCQ2215B		1	<i>Tấn</i>	7,8	7,5	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122150035	HUỖNH VĂN THỊNH	28/09/2003	CCQ2215B		1	<i>Thịnh</i>	5,1	1,5	3,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B105**

Mã nhận dạng: **002215**

Trang : 2/2

Số SV có mặt: **21**

Số bài thi: **21**

Số tờ giấy thi: **21**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Vũ Bình</i>	<i>Ng. T. Huy</i>	<i>Mạch</i> <i>NTM lan</i>	<i>le</i> <i>Trần Thị Thanh Lê</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150025	PHAN NGỌC THÔNG	21/03/2004	CCQ2215B		1	<i>Thông</i>	8,3	9,0	8,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122150042	ĐẶNG CÔNG TRINH	26/04/2004	CCQ2215B		1	<i>Trinh</i>	6,4	4,5	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122150030	HỒ QUANG TRUNG	28/10/2004	CCQ2215B		1	<i>Trung</i>	7,9	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122150031	NGUYỄN MINH TRỰC	17/02/2004	CCQ2215B		1	<i>Truc</i>	7,6	2,0	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122150096	TÔ TUẤN VIỆT	14/10/2004	CCQ2215B		1	<i>Việt</i>	7,2	9,0	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120150035	TRẦN QUỐC VŨ	20/06/2002	CCQ2015A		1	<i>Vũ</i>	5,5	5,0	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2119050069	PHAN THẾ VỸ	20/09/2001	CCQ1905B		1	<i>Vỹ</i>	5,9	6,5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002212

Trang : 1/3

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

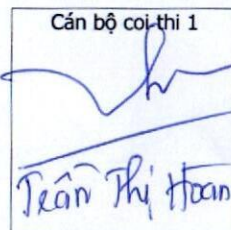
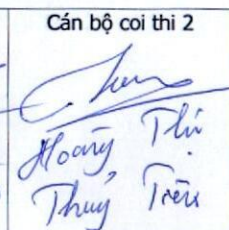
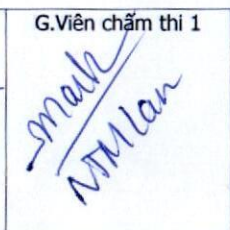
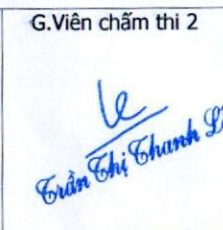
Giờ: **09:45**

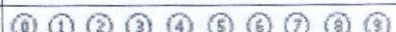
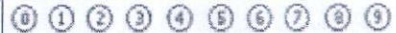
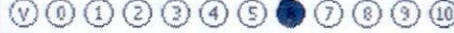
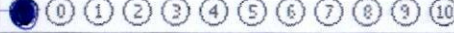
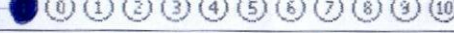
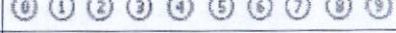
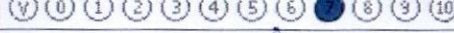
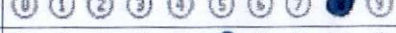
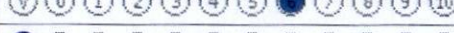
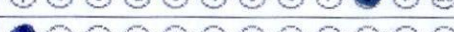
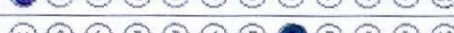
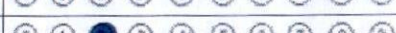
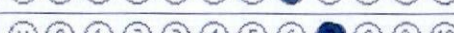
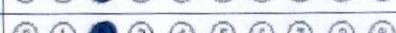
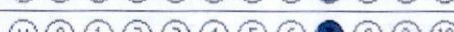
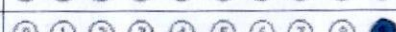
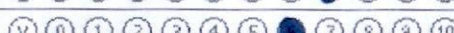
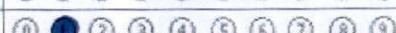
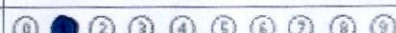
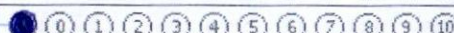
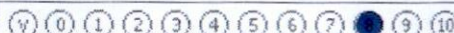
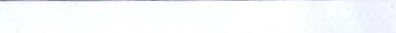
Phòng thi: **A405**

Số SV có mặt: 28.....

Số bài thi: 28.....

Số tờ giấy thi: 28.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122060044	CHÂU HOÀI ANH	25/05/2004	CCQ2206B				6.2	6,5	6,4		
2	2122060024	NGUYỄN ĐÔNG BIN	05/10/2004	CCQ2206A				7.0	6,0	6,4		
3	2122060018	VÕ AN BÌNH	08/07/2004	CCQ2206A		1		7.2	6,0	6,5		
4	2122060022	NGÔ HOÀNG CHIẾN	23/05/2004	CCQ2206A		1		7.0	6,0	6,4		
5	2122060033	PHAN QUỐC DŨNG	26/02/2004	CCQ2206A				7.2	6,0	6,5		
6	2122060032	LƯƠNG QUỐC ĐẠT	15/10/2004	CCQ2206A				7.2	6,0	6,5		
7	2122060014	CAO HOÀNG HẢI	29/07/2004	CCQ2206A		1		7.4	8,0	7,8		
8	2122060048	NGUYỄN MINH HẢI	05/05/2004	CCQ2206B		1		6.9	5,0	5,8		
9	2122060030	NGUYỄN CÔNG HẬU	14/01/2003	CCQ2206A		1		7.2	6,0	6,5		
10	2122060013	TRƯƠNG HỒNG HIẾU	01/12/2004	CCQ2206A				4.5				
11	2122060007	NGUYỄN XUÂN HÓI	11/02/2000	CCQ2206A		1		8.2	8,0	8,1		
12	2122060004	TRẦN VIỆT HÙY	03/07/2004	CCQ2206A		1		8.7	7,5	8,0		
13	2122060041	NGUYỄN MINH KHẢI	10/04/2002	CCQ2206B				6.4	6,0	6,2		
14	2122060040	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	26/06/2004	CCQ2206B		1		6.1	8,0	7,2		
15	2122060021	NGUYỄN MINH KHOA	28/05/2004	CCQ2206A		1		7.8	8,0	7,9		
16	2122060026	TRẦN VĂN KIẾT	25/11/2004	CCQ2206A		1		5.4	6,5	6,1		
17	2122060010	CHÂU NGỌC LÂN	03/03/2004	CCQ2206A		1		6.1	4,5	5,1		
18	2122060028	NGUYỄN NGỌC LÂN	20/12/2004	CCQ2206A		1		4.1				
19	2122060049	VÕ PHƯỚC LẬP	21/03/2004	CCQ2206B				6.9	9,5	8,5		
20	2122060016	VĂN TẤN LỘC	21/08/2004	CCQ2206A		1						

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 21/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002212

Trang : 2/3

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A405**

Số SV có mặt: **28**.....

Số bài thi: **28**.....

Số tờ giấy thi: **28**.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122060038	HUỖNH TẤN LỢI	24/10/2004	CCQ2206B		1		5,2	7,0	6,3		
22	2122060009	NGUYỄN HOÀI NHÂN	25/02/2004	CCQ2206A		1		5,4	4,8	5,1		
23	2122060019	THÁI NGỌC VŨ	24/08/2004	CCQ2206A		1		5,0	2,5	3,5		
24	2122060045	BÙI ANH QUANG	05/05/2003	CCQ2206B		1		5,7	4,5	5,0		
25	2122060001	LÊ VINH QUANG	20/01/2000	CCQ2206A		1		7,3	7,0	7,1		
26	2122060047	NGUYỄN HUY QUYỀN	24/08/2004	CCQ2206B		1		6,2	7,0	6,7		
27	2122060002	NGUYỄN GIA QUYẾT	26/01/1999	CCQ2206A		1		8,0	7,5	7,7		
28	2122060025	BÙI THÀNH TÀI	02/06/2003	CCQ2206A		1		9,5	8,5	8,9		
29	2122060027	LÊ MINH TÁNH	24/07/2004	CCQ2206A		1		8,0	6,0	6,8		
30	2122060029	NGÔ THỨC THÀNH	21/01/2004	CCQ2206A								
31	2122060042	TRẦN VĂN THẠNH	15/08/2004	CCQ2206B		1		4,7	3,5	4,0		
32	2122050073	PHAN HỮU THI	12/12/2004	CCQ2206B		1		7,1	5,5	6,1		
33	2122060008	NGUYỄN TẤN THUẬN	09/10/2004	CCQ2206A		1		6,7	5,0	5,7		
34	2122060005	LÊ NGUYỄN QUANG TIẾN	26/04/2004	CCQ2206A								
35	2122060039	NGUYỄN TẤN TÍN	25/03/2004	CCQ2206B								
36	2122060020	KIỀU ĐỨC TRÍ	01/05/2004	CCQ2206A								
37	2122060050	TRẦN NGUYỄN NGỌC TRÍ	10/01/2004	CCQ2206B								
38	2122060034	TRẦN MINH TRUNG	05/06/2002	CCQ2206A		1		8,9	6,0	7,2		
39	2122060011	NGUYỄN THANH TUẤN	02/08/2004	CCQ2206A		1		8,6	8,0	8,2		
40	2122060012	VÕ THỊ THU UYÊN	29/09/2004	CCQ2206A		1		8,8	8,5	8,6		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002212

Trang : 3/3

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/01/2023**

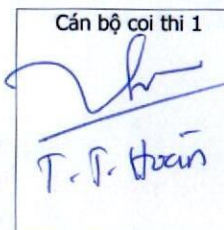
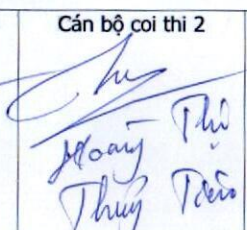
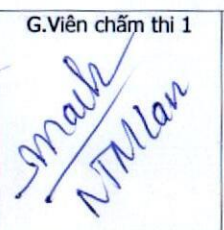
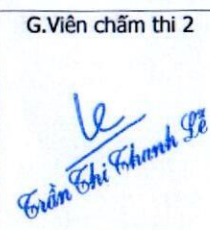
Giờ: **09:45**

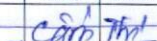
Phòng thi: **A405**

Số SV có mặt: 28.....

Số bài thi: 28.....

Số tờ giấy thi: 28.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122060006	NGUYỄN ANH VŨ	29/06/2004	CCQ2206A				<u>Cần Thi</u>			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002213

Trang : 1/3

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A406**

Số SV có mặt: **32**.....

Số bài thi: **32**.....

Số tờ giấy thi: **32**.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Phuoc</i> <i>Nguyen Phuong</i>	<i>Minh</i> <i>Minh Tuyen</i>	<i>Minh</i> <i>Minh Lan</i>	<i>Le</i> <i>Tran Chi Khanh Le</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122060031	LÊ VINH BÌNH	06/09/2004	CCQ2206A		1	Bình	6,7	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122060059	HÀ ĐỨC CANG	06/02/2004	CCQ2206B		1	Cang	6,9	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050002	ĐINH THÀNH DANH	14/09/2002	CCQ2005A		1	Danh	5,6	6,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122060054	ĐỖ CÔNG ĐŨNG	14/02/2004	CCQ2206B			<i>Công</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122060081	LÊ VĂN DƯƠNG	05/04/2004	CCQ2206A			<i>Dương</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122060070	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	06/07/2004	CCQ2206A		1	Dương	8,0	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122170257	NGÔ TẤN ĐẠT	28/10/2004	CCQ2206B		1	Đạt	4,5	6,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122060079	TRƯƠNG THIÊN HẬU	23/08/2004	CCQ2206B		1	Hậu	5,6	4,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122060066	NGUYỄN HỮU THẾ HIẾU	11/03/2004	CCQ2206B			<i>Hiếu</i>	5,2			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122140020	TRẦN MINH HIẾU	29/09/2004	CCQ2206A		1	Hiếu	5,3	6,0	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122060072	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	16/10/2004	CCQ2206A		1	Hoàng	7,3	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122060057	NGUYỄN NHẤT HUY	06/03/2004	CCQ2206B		1	Huy	5,0	4,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122060067	PHẠM BÁ KHÂM	04/08/2004	CCQ2206B		1	Khâm	6,5	5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122050150	NGUYỄN ANH KHOA	17/02/2002	CCQ2205A		1	Khoa	0,0	0,0	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122060080	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	19/08/2004	CCQ2206B		1	Khoa	8,2	6,0	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122060065	TRỊNH BÁ KIẾT	12/05/2004	CCQ2206B		1	Kiệt	7,2	6,8	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122060068	NGUYỄN QUỐC LÂM	02/08/2004	CCQ2206B			<i>Lâm</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122060063	NGUYỄN PHƯƠNG LÊ	11/03/2004	CCQ2206B			<i>Lê</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122170227	THÁI LÊ DUY LỘC	05/08/2004	CCQ2206B		1	Lộc	5,1	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122060051	TRẦN NGỌC MINH	18/12/2003	CCQ2206B		1	Minh	4,5	4,8	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002213

Trang : 2/3

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A406**

Số SV có mặt: **32**....

Số bài thi: **32**....

Số tờ giấy thi: **32**....

Cán bộ coi thi 1 <i>Phước</i> <i>Nguyễn Phước</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Minh</i> <i>Nguyễn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Minh</i> <i>NTM Lan</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>le</i> <i>Trần Thị Thanh Lê</i>
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122060062	PHAN VĂN NGUYỄN	16/06/2003	CCQ2206B		1	<i>Nguyễn</i>	4.4	6.0	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122060015	LÊ VĂN NINH	02/01/2004	CCQ2206A		1	<i>Ninh</i>	5.0	1.5	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122060036	TRẦN VĂN PHÚ	26/05/2004	CCQ2206B				6.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122060064	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	22/09/2004	CCQ2206B		1	<i>Phước</i>	6.6	9.0	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122060076	NGUYỄN THANH SÁNG	25/05/2004	CCQ2206B		1	<i>Sáng</i>	6.4	2.3	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122060084	NGUYỄN VĂN SƠN	21/10/2000	CCQ2206B				- Cán bộ Thi -			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2116050047	THẦN THIÊN TÂN	16/07/1998	CCQ1605A		1	<i>Tân</i>	7.7	6.5	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122140019	NGUYỄN CÔNG TÂY	21/05/2003	CCQ2206A		1	<i>Tây</i>	6.1	6.5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122060074	NGUYỄN BÁ THIÊN	29/06/2004	CCQ2206B				- Cán bộ Thi -			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122060078	MÃ THANH THỊNH	19/12/2004	CCQ2206B				- Cán bộ Thi -			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122060060	LƯƠNG THANH TIÊN	04/08/2004	CCQ2206B		1	<i>Tiên</i>	7.8	9.5	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122060053	TRẦN QUỐC TOÀN	10/05/2004	CCQ2206B		1	<i>Toàn</i>	5.0	5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122060082	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	28/02/2004	CCQ2206A		1	<i>Trâm</i>	9.1	7.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122170099	NGUYỄN HỒNG TRUNG	01/12/2004	CCQ2206B		1	<i>Trung</i>	9.6	9.0	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122060056	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	10/08/2004	CCQ2206B		1	<i>Trường</i>	8.0	7.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122060077	NGUYỄN ĐỖ LAM TRƯỜNG	02/11/2004	CCQ2206B		1	<i>Trường</i>	6.5	5.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122060058	LÊ MINH TUẤN	29/04/2004	CCQ2206B				- Cán bộ Thi -			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122060035	NGUYỄN HUY TUẤN	01/01/2004	CCQ2206A		1	<i>Huy</i>	5.5	5.0	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122060055	LONG QUỐC VIÊN	17/06/2003	CCQ2206B		1	<i>Viên</i>	8.0	7.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2122060083	LÊ NHỰT VINH	20/10/2003	CCQ2206B		1	<i>Nhật</i>	4.7	3.5	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002213

Trang : 3/3

Môn học: **Mạch điện (228040) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **11/01/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **A406**

Số SV có mặt: **32**.....

Số bài thi: **3**.....

Số tờ giấy thi: **32**.....

Cán bộ coi thi 1 <i>Phuoc</i> <i>Nguyen Phuoc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Amu</i> <i>Minh Tuyen</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Mai</i> <i>Nhan</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>le</i> <i>Tran Thi Thanh Le</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122060075	NGUYỄN TRẦN HOÀN VŨ	17/11/2003	CCQ2206A		1	<i>u</i>	8,5	7,0	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	2122110026	PHẠM ANH VŨ	19/09/2004	CCQ2206A		1	<i>u</i>	6,0	2,5	3,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)